

GIÁO TRÌNH T P H U N

B N TUYÊN B

NGUYÊN T C NGH NGHI P

VÀ

KH NG NH V TRÍ, VAI TRÒ
C A CHUYÊN NGÀNH V T LÝ
TR LI U

**HANDICAP
INTERNATIONAL**



Bản tuyên bố các nguyên tắc nghề nghiệp và kỹ năng nghề nghiệp, vai trò ngành Vật lý trị liệu



Bản tuyên bố các nguyên tắc nghề nghiệp và Khẳng định về trí năng và vai trò của ngành vật lý trị liệu

Nhiệm vụ và Trách nhiệm:

Hiệp hội Vật lý trị liệu (VLTL) thế giới hoạt động nhằm phát triển sức khỏe toàn cầu thông qua việc:

Nâng cao tiêu chuẩn cho ngành vật lý trị liệu trên phạm vi toàn thế giới

Khuyến khích nâng cao các tiêu chuẩn nghiên cứu, công việc nâng cao và hoạt động VLTL

Hỗ trợ việc trao đổi thông tin giữa các tổ chức thành viên trong khu vực và Hội liên hiệp VLTL

Hợp tác với các tổ chức trong nước và ngoài nước

B n tuyên b các nguyên t c ngh nghi p và kh ng nh v trí, vai trò ngành V t lý tr li u



© World Confederation for Physical Therapy

World Confederation for Physical Therapy Kensington Charity Centre
4th Floor, Charles House
375 Kensington High Street
London W14 8QH

Tel: +44 (0) 20 7471 6765

Fax: +44 (0) 20 7471 6766

www.wcpt.org

The World Confederation for Physical Therapy is a registered charity in the UK, no 234307

Mục lục

Nhìn nhận	4
Nhìn nhận ngành nghề	4
Phụ lục: Các nguyên tắc nhìn nhận ngành nghề của Hiệp hội WCPT	5
Bảo vệ thuật ngữ chuyên môn	9
Chăm sóc sức khỏe ban đầu	10
Bảo lọc, hạn chế bệnh nhân vì phạm nhìn nhận ngành nghề	11
Những tiêu chí Tập và ly từ liệu	12
Chất lượng chăm sóc nhiều từ	13
Minh chứng thực tế	14
Nghiên cứu	14
Tội quan liu	15
Hoạt động riêng lẻ	15
Cải thiện thuật ngữ thông qua	16
Quyền của bệnh nhân/ khách hàng trong dịch vụ VLTL	16
Quyền của khách hàng	20
Quyền trẻ em	20
Mối quan hệ với các nhân viên y tế	20
Mối quan hệ với các ngành nghề khác	21
Kế hoạch nguồn nhân lực	21
Một công việc VLTL	22
Việc tạo ra cho các KTV VLTL ở các nước	26
Nguyên tắc và những tình huống linh hoạt	26
Vấn đề chuyên môn hoạt động	27
Phụ lục: Chuyên môn hoạt động	28
Chương trình PHCN dựa vào công nghệ	29
Hoạt động nhân sự cho hoạt động VLTL	29
Chăm sóc VLTL cho người già	30
Các căn bệnh cùng nguy cơ lây nhiễm cao	31
Các nguyên tắc tiêu chuẩn của Liên Hiệp quốc trong việc bình đẳng cô hội danh cho người khuyết tật	31
Phụ lục cho các nhiều luật	33

Bản tuyên bố các nguyên tắc nghề nghiệp và kỹ năng nghề nghiệp, vai trò ngành Vật lý trị liệu

Nhìn nhận

Các nguyên tắc làm việc

Bản tuyên bố các nguyên tắc này ghi lại những quan niệm nền tảng thông qua của Hiệp hội và những quan niệm về các phương pháp và lý do trên toàn thế giới và những quan niệm này được 2/3 biểu quyết và được đưa vào thành sách cho các tổ chức thành viên.

Những tuyên bố cho vai trò và vai trò của ngành VLTL:

Các quan niệm này phản ánh các yếu tố của môi trường và các vấn đề ảnh hưởng đến việc thực hiện các phương pháp và lý do và các yếu tố này được biểu quyết theo số đông một cách đơn giản. Các tổ chức thành viên có thể tự ý áp dụng phần nào hoặc hoàn toàn các quan niệm này.

Thuật ngữ Physical Therapy và Physiotherapy

Có nhiều tên gọi chuyên môn và thuật ngữ dùng để mô tả ngành và lý do và tùy thuộc phần lớn vào nguồn gốc hình thành chuyên môn này tại các tổ chức thành viên của WCPT. Các tên gọi và thuật ngữ thông thường sử dụng nhiều nhất là "physical therapist" hoặc "physiotherapist" (kỹ thuật viên và lý do) và "physical therapy" hoặc "physiotherapy" (và lý do). Trong tài liệu này chúng tôi sử dụng hai thuật ngữ "Physical therapist" và "physical therapy" những thuật ngữ này có thể thay thế bằng các từ khác tùy thuộc vào các quốc gia thành viên không tạo nên sự khác biệt về ngôn ngữ.

Nhiệm vụ nghề nghiệp

Nhiệm vụ và lý do:

1. Tôn trọng quyền và phẩm giá con người.
2. Tuân theo pháp luật và các luật lệ hiện hành trong việc thực hiện và lý do tại quốc gia nơi làm việc.
3. Chấp thuận trách nhiệm thực hiện các yếu tố y học của bệnh nhân.
4. Cung cấp dịch vụ 1 cách trung thực, thành thạo và có trách nhiệm chuyên môn.
5. Tận tâm phục vụ theo các quy định về chất lượng dịch vụ và các mục đích khác của nhà ra đời và lý do tại quốc gia nơi.
6. Nhận nhận một mức tiền công xứng với những dịch vụ của họ.
7. Cung cấp thông tin chính xác cho khách hàng, các cơ quan khác và cộng đồng về và lý do và các dịch vụ khác do các kỹ thuật viên và lý do cung cấp.
8. Nỗ lực góp phần vào kế hoạch và sự phát triển của các dịch vụ và những nhu cầu.

Bản tuyên bố các nguyên tắc nghề nghiệp và kỹ thuật, vai trò ngành Vật lý trị liệu

sức khỏe của cộng đồng.

Phụ lục tại trang tiếp theo nêu rõ thông qua tài liệu hội thảo lần thứ 13 của WCPT tháng 7 năm 1995

Phụ lục: Các nguyên tắc nghề nghiệp của Hiệp hội WCPT

Trách nhiệm của Hiệp hội WCPT và các tổ chức thành viên

Các tổ chức thành viên có nhiệm vụ phải công bố triển khai và lưu hành các nguyên tắc nghề nghiệp cũng như những báo cáo về tình hình thực hiện danh cho các thành viên của hội, nói với công chúng, nhà tuyển dụng, chính quyền và cơ quan quản lý tại các phần mềm. Các tổ chức thành viên phải có những thủ tục phù hợp cho việc theo sát hoạt động của các thành viên, các biện pháp kỷ luật và hình thức phạt cho các thành viên có các hành vi vi phạm nội quy.

WCPT sẽ hỗ trợ các tổ chức và lý trí về luật quốc tế trong việc phát triển các hệ thống luật lệ cũng như luật quản lý

Diễn dịch các nguyên tắc làm việc của WCPT

Các nội dung sau đây sẽ hỗ trợ cho các tổ chức thành viên WCPT và các kỹ thuật viên và lý trí về luật hoạt động nội bộ trong việc diễn dịch các nguyên tắc làm việc của WCPT. Những thông tin này sẽ làm nền tảng cơ bản rất hữu ích cho các tổ chức trong việc phát triển các nguyên tắc hoạt động riêng hoặc các nguyên tắc quản lý phù hợp với nguyên tắc hoạt động của WCPT và thể hiện các nguyên tắc của quốc gia.

Nguyên tắc 1: Các kỹ thuật viên và lý trí về luật phải tôn trọng quyền và tự do của tất cả mọi người.

Mọi người khi tìm kiếm dịch vụ và lý trí về luật nếu có một số quyền nói với dịch vụ bất kể tuổi tác, giới tính, dân tộc, quốc tịch, tôn giáo hay chính trị.

Người nước ngoài phải được tôn trọng các tập tục và văn hóa của đất nước họ;

Người nước ngoài có quyền giới thiệu nghề nghiệp.

Người nước ngoài có quyền yêu cầu báo cáo các thông tin

Người nước ngoài có quyền biết những thông tin phù hợp,

Người nước ngoài có quyền được thông báo và ra quyết định nghề nghiệp không nghề nghiệp về việc làm

Người nước ngoài có quyền được báo về những chi phí dịch vụ cao.

Người nước ngoài có quyền yêu cầu chuyển đến những người có chuyên môn cao hơn.

Hội đồng có quyền tối quyết những vấn đề bao gồm:

- Can thiệp vào những quyết định của người làm
- Tham khảo ý kiến người khác
- Nội dung liên tục

Nói với việc bỏ ngừng trò chơi, người nước ngoài có quyền phản ánh và sẽ được giải quyết một cách

Bản tuyên bố các nguyên tắc nghề nghiệp và kỹ năng nghề nghiệp, vai trò ngành Vật lý trị liệu

oán thỏa nhất.

Kỹ thuật viên có trách nhiệm phải đảm bảo tính chuyên nghiệp cho hành vi của mình vào mọi

lúc. Đảm bảo rằng các khả năng dân nên hành vi lệch lạc tình dục không thể xảy ra. Kỹ thuật viên có quyền trong nội soi hộp tác của nông nghiệp. Hội sẽ áp dụng những nguyên tắc kinh doanh phù hợp khi thỏa thuận với các nhà cung cấp, nhà sản xuất và những nhân viên khác.

Nguyên tắc 2: Kỹ thuật viên và ly từ liệu phải tuân theo pháp luật và các điều luật hiện hành và việc thực hiện và ly từ liệu tại quốc gia nơi họ đang làm việc.

Kỹ thuật viên và ly từ liệu phải hiểu rõ pháp luật hiện hành và các nguyên tắc làm việc khi thực hiện các kỹ thuật và ly từ liệu. Phải nhận biết rằng không thông hiểu luật không phải là lỗi giải thích cho việc không chấp hành luật. Kỹ thuật viên có quyền từ chối không niều trò hoặc không can thiệp nếu theo ý của họ không vui không nếm lại lỗi ích lợi nhất cho khách hàng.

Nguyên tắc 3: Kỹ thuật viên chịu trách nhiệm với các bài tập bù nắn chỉnh

Kỹ thuật viên có quyền từ chối chịu trách nhiệm trong việc từ bỏ quyết định trong công việc. Kỹ thuật viên phải có năng lực tốt nhất để đưa ra quyết định với một số các bài tập mà họ đã học hoặc có thể chịu trách nhiệm. Nói với mỗi cá nhân tiếp nhận niều trò các kỹ thuật viên phải đảm bảo những nắn chỉnh phù hợp nhằm hỗ trợ cho việc phát triển trong chấn thương. Sau khi xem xét kỹ các chấn thương và các thông tin có liên quan, cần biết là mức độ của bệnh nhân, kỹ thuật viên sẽ lên kế hoạch và thực hiện ngay nếu không trình từ liệu. Khi nhận niều trò mức độ hoặc không thể có thêm tiến triển nào nữa, kỹ thuật viên sẽ thông báo và cho phép bệnh nhân xuất viện. Khi chấn thương không rõ ràng hoặc không trình từ liệu nếu yêu cầu vượt quá khả năng của kỹ thuật viên, kỹ thuật viên sẽ thông báo với bệnh nhân và hỗ trợ trong việc trung chuyển bệnh nhân nên những người có chuyên môn phù hợp.

Kỹ thuật viên không nên phép ủy quyền bất cứ công việc nào với những kỹ năng chuyên môn, kiến thức và chuyên môn niều trò cho người khác. Những nơi tiếp nhận các thực tập viên những người sẽ tập lên chương trình niều trò hoặc tiếp tục chương trình niều trò nếu không tiếp tục thì người KTV này có thể cung cấp luật và làm việc lại với thực tập sinh nắn chỉnh:

- Phát triển một kế hoạch mới phù hợp hơn, hoặc
- Nên ghi tham khảo với người có chuyên môn cao hơn

Nguyên tắc 4: Kỹ thuật viên phải làm việc trung thực, chuyên nghiệp và có trách nhiệm chuyên môn.

Kỹ thuật viên phải bảo đảm bệnh nhân hiểu rõ bản chất của dịch vụ nếu có cung cấp, cần biết là các khoản dõ chi, bao gồm cả thời gian và tài chính.

Kỹ thuật viên phải từ chối chịu trách nhiệm thiết kế chương trình từ phát triển bản thân liên tục, có kế hoạch làm việc bổ trợ và nâng cao kỹ năng và kiến thức chuyên môn.

Kỹ thuật viên phải thu thập gìn giữ những tài liệu của bệnh nhân nếu có thể để có thể giải thích

Bản tuyên bố các nguyên tắc nghề nghiệp và kỹ năng nghề nghiệp, vai trò ngành Vật lý trị liệu

quả hôn trong việc chăm sóc bệnh nhân, cũng như lương gia đình lương làm việc của

chính kỹ thuật viên.

Kỹ thuật viên không được tiết lộ bất cứ thông tin nào về bệnh nhân cho một bên thứ ba mà không có sự cho phép của bệnh nhân hoặc không thông báo trước, trừ phi luật pháp yêu cầu.

Kỹ thuật viên nên tham gia các cuộc họp về bệnh nhân và một số dạng hoạt động lương gia đình, kết quả của những cuộc họp này sẽ không được tiết lộ cho bất cứ ai nếu không có sự cho phép của kỹ thuật viên.

Kỹ thuật viên nên gìn giữ dữ liệu này nhằm giúp cho việc lương gia đình hoạt động của dịch vụ được thuận lợi hơn và những dữ liệu này luôn được chuẩn bị đầy đủ cho các cơ quan khác khi được yêu cầu theo thỏa thuận của 2 bên.

Các nội quy về việc quản lý hoạt động của kỹ thuật viên sẽ được xem là ưu tiên so với bất cứ hoạt động mang tính kinh doanh hay tuyển dụng nào. Nếu có bất kỳ mâu thuẫn xảy ra trong các tình huống nội kỹ thuật viên phải cố gắng nêu hành vi quyết định và đưa ra quyết định sớm nhất có thể để giải quyết vấn đề.

Kỹ thuật viên chỉ sử dụng những kỹ thuật của mình khi những kỹ thuật đó đã được chứng minh là hiệu quả trong việc trị liệu. Kỹ thuật viên không được sử dụng sai cách của mình sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm cho việc làm sai đó.

Nguyên tắc 5: Kỹ thuật viên phải tuân thủ phục vụ theo các quy định về chất lượng dịch vụ và các mức phí được nêu ra bởi hội vật lý trị liệu tại quốc gia đó.

Các kỹ thuật viên phải nhận thức được những tiêu chuẩn được chấp nhận hiện nay về việc trị liệu và tuân thủ theo các quy tắc.

Kỹ thuật viên phải tham gia những chương trình tập huấn sẽ được tổ chức liên tục nhằm nâng cao kiến thức cơ bản và tiếp nhận thêm kiến thức mới. Kỹ thuật viên nên hỗ trợ các công tác nghiên cứu nhằm góp phần cho sự cải thiện việc chăm sóc bệnh nhân.

Kỹ thuật viên hỗ trợ trong việc phát triển trí tuệ cá nhân hoặc thuật toán của công nghệ làm việc.

Kỹ thuật viên tham gia vào công tác nghiên cứu sẽ phải tuân theo các nội quy và chính sách hiện hành áp dụng cho việc quản lý công tác nghiên cứu, đặc biệt là tuân thủ:

- Nắm vững nghiên cứu được chấp thuận.
- Nắm vững phải được báo cáo.
- Nắm vững được thực hiện một cách an toàn và tiến triển tốt.
- Không có sự lừa dối và sai phạm cấp ý tưởng.
- Thành thật trình bày khi cần hỗ trợ.
- Chấp nhận sự hỗ trợ thích hợp.
- Nếu xảy ra bất cứ trường hợp vi phạm nào phải báo cáo với người có thẩm quyền.

Kỹ thuật viên nên chia sẻ những kết quả nghiên cứu một cách cởi mở, đặc biệt là trên các tạp san hoặc các hội nghị chuyên đề.

Các kỹ thuật viên nếu giữ vai trò là người tuyển dụng nên:

- Nắm vững tại căn bản về của mình nếu có thể chấp thuận mọi thích hợp và đúng đắn.
- Áp dụng các nguyên tắc quản lý và làm việc nói với việc chấp nhận thực hiện dịch vụ nhằm thúc đẩy phát triển và đặc biệt là nắm vững các tiêu chuẩn quản lý nhân sự thích hợp.
- Tập nhiều cố gắng cho nhân viên được tập huấn và phát triển cá nhân dựa trên năng lực.

B n tuyên b các nguyên t c ngh nghi p và kh ng nh v trí, vai trò ngành V t lý tr li u

giai hieu quailam viet.

Nguyên tắc 6: Kyõthuat vien nõõc nhain mot möic thur lao xõng ñaing với những dịch vui của hoi

Kyõthuat vien nen cógãng bair ñaim rang moi bang kekhai chi phí trò lieu, của riêng hoi vaicac cô quan khac ñeu döa vào möic söi canh hac hõp lyi
Kyõthuat vien khõng nõõc söidung quailaing cac anh hõõng của mình cho möic ñich tö löi.

Nguyên tắc 7: Kyõthuat vien phai cung cap thõng tin chính xac cho beinh nhain, cac cô quan khac vaicõng ñõng vevat lyutrò lieu va veicac dich vui maicac kyõthuat vien cung cap.

Kyõthuat vien nen tham gia cac chõõng trình giao duc cung cap thõng tin cho cõng ñõng vea chuyen möi.

Kyõthuat vien cõinhiem vui trìn bay cho cac chuyen gia chã ñõnh vaicõng ñõng veabain chat của dich vui ñeaimoi canhain ñeu cõitheatõi quyet ñõnh veaviee cõinein söidung dich vui hay khõng.

Kyõthuat vien cõitheaquaing baidich vui của mình vaicung cap thõng tin veachính hoi cho cõng ñõng nhain hoatrõi cho viee löa chõin của cac khach hang tiem ñang. Nhõng kyõthuat vien khõng nõõc söidung hoac gõp phain vào cac giai trìn hoac tuyen boisai söi thait, khõng trung thõc, lech lac, doi trai bat cõng hoac nhay cam.

Kyõthuat vien chã nõõc söidung những chõic danh möitai ñõng ñõa vò ngheanghiệp của mình.

Nguyên tắc 8: Kyõthuat vien phai gõp phain lein keahõach vaimõitrong cac dich vui hõõng ñeain cac nhu cau veay teicua cõng ñõng.

Kyõthuat vien cõinhiem vui vaibõin phain tham gia lein keahõach cac dich vui nõõc thiet ñait nhain ñõa ra möic dich vui chaim söic söic khoe cõng ñõng toat nhất.

Kyõthuat vien cõibõin phain phai lam viee với ñõnh hõõng cõng bang trong viee cung cap dich vui chaim söic söic khoe cho tat caimõit ngõõi.

Ñao tao Vat lyutrò lieu lamöit chuoit ren luyen töiluc bat ñau vào möit trõõng Vat lyutrò lieu nõõc chõõng nhain vaiket thuc khi khõng con hoait ñõng trong lönh võc.

1. Möic ñich của viee ñao tao Vat lyutrò lieu la söi phai trien lien tuc của cac kyõthuat vien trong thõc hien chuyen möi
2. Chõõng trình ñao tao Vat lyutrò lieu phai phuõhõp với nhu cau söic khoe vaixai hoi của tõng quõc gia.
3. Thõi hain khoaihoc chính thõc nõõc dung ñeaimõitai 1 chõõng trình hoc thõõng nõõc löõng giaotheo cac tieu chuan giao duc ñaõ ñeãra.
4. Ñang löc chuyen möi ban ñau laiphai thehien söi hoan tat chõõng trình hoc cho phep kyõthuat vien VLTL cõiñuinañang löc hoait ñõng ngheanghiệp ñõc lap.
5. Möi phain khõng theathieu trong chõõng trình hoc cho ñang löc chuyen möi ban ñau la kinh nghiem lam sang trõc tiep döõit söi chã ñab của những KTV VLTL cõi ñang löc phuõhõp. Viee ñao tao thõc teñay seibao gom caiviee ñain ñain tiep can trach nhiem của KTV khi kyõñang vaiking nghiem ñaõhoan chanh.
6. Chõõng trình hoc seõtrang bõ ñaõy ñuikien thõc cho KTV VLTL thõc hien nhieu

B n tuyên b các nguyên t c ngh nghi p và kh ng nh v trí, vai trò ngành V t lý tr li u

quyền nōōc biêt ve các phẩm chất va hành vi ngành nghiệp phải tuân theo các chuẩn mōc nāo nōōc.

Hội VLTL theá giōi yêu cầu chính quyền tại các nōōc coi tōi chōi thanh viên ma chōa coi nēu luật ve vān nēn nay ban hành các luật nhằm bảo ve con ngōi bằng cách giao các chōi danh cho những ngōi coi nāng lōc chuyēn môn phù hōp.

Hơn nōa, hội VLTL theá giōi yêu cầu chính quyền tại các nōōc coi tōi chōi thanh viên hạn chế sōi phẩm biêt gây phui hān những nēi nāc trōng của VLTL bằng cách bān nām rang các KTV VLTL luôn coi quyền nōōc tuyền dùng làm mōi KTV VLTL thōc sōi

Approved at the 13th General Meeting of WCPT, June 1995

Chăm sóc sức khỏe ban nāu

Tiếp cān nēn các dịch vui chăm sóc sức khỏe cô bān la nēu thiết yếu cho việc bān nām rang chăm sóc sức khỏe nāi nāp òng nōōc nhu cầu của mōi cān hān, của những ngōi chăm sóc va công ñōng. Liên ñoan VLTL quōc tế (WCPT) chui trōng việc cung cấp các dịch vui chăm sóc sức khỏe cô bān phải lōu tâm nēn tình hình vān hoāi nōa phōng, kinh tế xã hōi vā tình hình chính trị, nōa ra quyền sōi dùng công bāng cho mōi ngōi vōi vōi những dịch vui hiēu quả. Liên ñoan VLTL theá giōi cung cấp mōi phōng cách tiếp cān linh ñōng vā các tiến trong việc nōa ra những mōi hình phân phối dịch vui chăm sóc nōōc phải triēn nām nāp lai nhu cầu tại nōa phōng.

Cān thấy rằng những nguyên tắc nēi coi nōōc hoạt ñōng tōi nhāi phải nōōc rōi rang trong bāi kỳ mōi hình phân phối dịch vui te nāo vā phải coi những nēu sau:

- Các dịch vui chăm sóc sức khỏe luôn de dāng tiếp cān nōi vōi tại cāi mōi ngōi.
- Công ñōng tại nōa phōng vā các cāi nhāi nēu la nōi tōōng của việc phân phối dịch vui chăm sóc sức khỏe, lên kế hoāch, thōc hiēn vā theo dõi.
- Mōi hình nōōc phát triēn nām nāp òng lai cho các ñānh giāi nhu cầu nōa phōng, coi lōu y nēn việc sōi dùng ñuing qui cách các nguồn khai.
- Các dịch vui nōōc phát triēn dōa trên những nguyên tắc vān hoā xã hōi nōa phōng.
- Chui trōng hōp tác ñā khoa, hōp tác trong cô quan vā trong lōnh vōc hoạt ñōng.
- Nhāi thōc nōōc vai trò của mōi nhāi viên y te nēu coi theá ñōng gōp cho việc phân phối dịch vui, òi những nōi thích hōp, các KTV phải ñōng gōp vāo việc ñāo tạo vā sōi phát triēn ñāng thōc hiēn tại những nōi này.

- tại những nōi thích hōp, công ñōng vā mōi cān hān se nōōc hoāi rōi nēi coi theá tōi dōa vāo sức mình
- Nēu việc phục hōi chōi ñāng la lōnh vōc coi nēu nhu cầu nhāi thì việc xuc tiến các dịch vui y te vā việc phong bệnh cũng nēn nōōc lōu y vā nēu cān se coi theá nēu trò vā cān thiệp.
- Các nghiēn cōu thích hōp vā các kế quả ñāng tính lōōng giāi se nōōc thōc hiēn nām bān chất lōōng công việc hiēu quả nhāi.
- Việc theo dõi vā lōōng giāi các dịch vui nōōc diēn ra theo cô cheá kiēn tra lai vā sōi ñāi cho phù hōp.

KTV ñōng mōi vai trò quan trọng trong các cô quan y te chui yếu:

B n tuyên b các nguyên t c ngh nghi p và kh ng nh v trí, vai trò ngành V t lý tr li u

- La ngöôi cung cap dich vui tröc tiep va gian tiep.
- La thanh vien cua cac toa hieu trò ña khoa.
- La ngöôi tham van cho cac toa chöc cua chính phu va phi chính phu; cac toa chöc cua ngöôi khuyt tai.
- La ngöôi phát trieñ, thöc hieñ va quañ ly cac dich vui.
- Ñaö tap cac nhân vien y te khac va cac nhân vien hoä tröi.

Cac KTV VLTL phai nöc ñaö tap va trang bö nen tañg giao duc VLTL ban ñau va cac cô hoä phát trieñ nghe nghi p tiep theo phu höp nhäm lam viec trong möi möi tröong phong phu va coï khä nañg phañ phoi dich vui tai cac coñg ñoñg nöi thanh va ngoai thanh, nhân thöc nöc vai tro la ngöôi hoä tröi va ngöôi ñaö tap cho cac nhân vien y te khac, can thieñ cho viec ñaö nöc cac muc tieu cua VLTL va beñh nhân.

Cac KTV VLTL va cac hoä VLTL quoc gia nöc khuyt khäc lam viec voi cac toa chöc chính phu phi chính phu va cac toa chöc cua ngöôi khuyt tai nhäm xuc tieñ va hoä tröi cho viec phát trieñ coñg tac chañm söc söc khoe cô ban, hoan thanh 4 nhân toa chính la xuc tieñ, phong choñg, ñieu trò va phu c hoä chöc nañg.

Approved at the 15th General Meeting of WCPT, June 2003

Baö löc, hanh hai beñh nhân vi phañ ñaö nöc nghe nghi p

1. KTV VLTL khöng nöc uñg hoä boi qua hoäc tham gia vaö cac hoät ñoñg mang tính hanh hai, aic nöc, voñhain ñaö, cac hanh vi phañ toä hay thoai hoä, bañ coï söi xuc phañ ñaö lam cho nhân nhân bö nghi ngöy bö buoic töi hay coï loä vañ höng gi ainh hööng ñeñ niềm tin vañ höng löc söng cuañ nhân nhân trong möi tröong höp, keä cai mau thuañ va xung nöi nöi böi
2. KTV VLTL se khöng nöa ra bañ ky lap luain, dung cui, tai sai hoäc kien thöc ñaö cho viec hoä tröi cac hoät ñoñg mang tính hanh hai hoäc höng hinh thöc ñieu trò mang tính aic nöc, voñhain ñaö hoäc suy nöi hay lam cho beñh nhân khöng coï khä nañg khäng coï lai höng hanh vi chöa trò nöi
3. KTV VLTL khöng nöc coï mat trong bañ ky tieñ trình hanh hai beñh nhân hoäc söi dung hay ñe döa beñh nhân bañ höng hinh thöc ñieu trò khac mang tính nöc aic voñhain ñaö hay suy nöi.
4. Vai tro cô ban cua cac KTV VLTL la lam giam ñeñ nöi ñau cua beñh nhân cua rieñg mình va khöng coï höng cô ñaö cho du la cañhain, tap theä hay chính trò choñg lai muc tieu cao cañhain.
5. Lieñ ñoan VLTL theä gioä se uñg hoä va khuyt khäc coñg ñoñg theä gioä, hoä VLTL quoc gia va cac KTV VLTL tröc thuoic khac hoä tröi cho cac KTV va gia ñinh cua hoä khi phañ nöi mañ voi cac möi ñe döa hoäc trañ thu khi khöng chañ nhân boi qua viec hanh hai hoäc höng hinh thöc ñieu trò khac mang tính nöc aic, voñhain ñaö hoäc suy nöi.
6. Cac KTV VLTL ñaö hoät ñoñg can phai coï möi voñ kien thöc tööng nöi veä khäi quat va ñaö tröng veä söi khac thöong cua heä thain kinh, cô xöng khöp va tam ly voñ nöc

Bản tuyên bố các nguyên tắc nghề nghiệp và kỹ năng nghề nghiệp, vai trò ngành Vật lý trị liệu

- cho là hậu quả của sự dãn nở thể chất và tinh thần, cũng như các lỗi giao tiếp năng phù hợp và tiến trình nhiều trò chơi cho bệnh nhân thoát khỏi sự dãn nở
7. Giao dịch về mặt phòng chống và ngăn cản việc hành hạ bệnh nhân cũng như hình ảnh và nhiều trò chơi bệnh nhân bị dãn nở cũng nên có trong chương trình học sơ cấp và chương trình nâng cao VLTL năng cao.

Approved at the 13th General Meeting of WCPT June 1995

Những tiêu chí Tập và Ly trò liệu

Liên hoan VLTL thế giới nên nhận thức được tầm quan trọng tuyệt vời của việc soạn thảo và ban hành các văn bản có các tiêu chuẩn này một cách thông qua cho từng KTV VLTL. Những tiêu chuẩn này cần nên

- Cho mỗi người thầy các KTV VLTL nên quan tâm đến chất lượng nhiều trò chơi và sẵn sàng thực hiện các chương trình tối ưu nhất nhằm duy trì chất lượng này.
- Hướng dẫn cho việc phát triển nâng cao chuyên môn.
- Hướng dẫn học viên biết quản lý và lỗi giao tiếp hoạt động của hội.
- Cung cấp cho chính quyền, những người có thẩm quyền và các nhóm ngành nghề khác những thông tin cơ bản về tính chất công việc của KTV VLTL.

Liên hoan VLTL thế giới nhận thấy sự khác biệt giữa các hoàn cảnh kinh tế chính trị và xã hội ở những khu vực khác nhau trên thế giới mà tại mỗi nơi có sự hiện diện của việc nhiều trò chơi và ly cho bệnh nhân. Vì vậy, các tổ chức thành viên trong hiệp hội cần phải xây dựng và phát triển các tiêu chuẩn này một cách phù hợp thích nghi với tình hình của khu vực hoặc đất nước

Những nội dung hướng chính trị, các Hội VLTL cấp trung ương cần cung cấp thông tin soạn thảo và thông qua những tiêu chuẩn này để có thể áp dụng cho nhóm hoặc quốc gia

Các nguyên tắc cơ bản sau đây cũng nên đưa vào các chương trình và chính sách phát triển quốc gia:

1. Các tiêu chuẩn phải thể hiện rõ trình độ học thức, kỹ năng, thái độ và các giá trị mà những nội dung sau đây cần có
 - Những KTV và bác sĩ và nhà nghề
 - Tất cả những KTV hiện tại
 - Các KTV muốn đi ra nước ngoài.
2. Các nền văn hóa và các môi trường trong việc đưa ra các tiêu chuẩn này và phải phù hợp với môi trường tuyển dụng.
3. Các tiêu chuẩn phải dựa trên các nền nghề nghiệp rõ ràng và phạm vi hoạt động và trách nhiệm giải trình.
4. Các tiêu chuẩn phải được thông báo rõ ràng và xác thực.
5. Các tiêu chuẩn phải rõ ràng và linh hoạt nếu cần nhất nước mục tiêu và hướng tới các nội dung trong phạm vi cho phép cũng phải tiến và thay đổi.
6. Các tiêu chuẩn phải này mạnh mẽ nhất quan ngành nghề trong nước và cho phép người hành nghề được di chuyển tới đó.
7. Các tiêu chuẩn phải là chủ đề của các cuộc thảo luận khi cần.

Bản tuyên bố các nguyên tắc nghề nghiệp và kỹ thuật, vai trò ngành Vật lý trị liệu

Nên có sẵn các thiết bị khi cần ra các tiêu chuẩn bao gồm các thiết bị sau:

1. Các tiêu chuẩn phải phản ánh giá trị, niềm tin và mục tiêu cần thiết cho việc tiếp tục và sẵn sàng chuyển đổi.
2. Các tiêu chuẩn phải dựa trên các nguyên tắc của giá trị và thể nhân học.
3. Các tiêu chuẩn thiết kế nhằm hỗ trợ ngành nghề nhằm đáp ứng nhu cầu thay đổi của công nghệ.

Các tiêu chuẩn nên đóng vai trò là một phòng tuyến giao tiếp với các ngành nghề, như y học, các chuyên khoa y tế khác, chính phủ và công chúng.

Approved at the 13th General Meeting of WCPT June 1995 and revised at the 15th General Meeting of WCPT June 2003

Chất lượng chăm sóc nhiều trẻ

Ngôi nhà, chính quyền và bên thứ 3 là các cơ quan góp quy định quyền cho rằng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe của KTV VLTL sẽ thích hợp với các tiêu chuẩn quốc gia hiện hành về chất lượng chăm sóc sức khỏe.

- Công bằng
- Công suất
- Hiệu quả
- Phù hợp
- Chấp nhận được
- Có thể tiếp cận dễ dàng
- Có giá trị
- An toàn

Nếu có một mô hình chăm sóc tốt thì nhờ thế các cơ

- Nghiên cứu
- Phát triển các phòng tuyến hỗ trợ cho hoạt động thực tiễn
- Thực hiện việc quản lý hiệu quả và thực tế các thay đổi
- Lộ trình các chương trình hoạt động, các tiến trình và kết quả
- Theo dõi năng suất, hiệu quả và sẵn sàng
- Nâng giá trị thỏa mãn của khách hàng

Các hiệp hội VLTL quốc gia phải thể hiện tính lãnh đạo trong vấn đề chất lượng qua việc phát triển các tiêu chuẩn hoạt động và theo sát các tiến trình. Hội cũng có vai trò đóng góp vào sự phát triển của các công cụ nền tảng và các chương trình hỗ trợ, danh cho các hoạt động mang tính thể hiện nhờ các nguồn lợi của nhiều trẻ hoặc tìm các cơ hội hợp tác quốc tế thích hợp.

Approved at the 13th General Meeting of WCPT June 1995 and revised at the 15th General Meeting of WCPT, June 2003

Bản tuyên bố các nguyên tắc nghề nghiệp và kỹ thuật, vai trò ngành Vật lý trị liệu

Phải dùng các phương pháp hướng dẫn thích hợp nhất để đưa ra các chủ đề của bài nghiên cứu. Nghiên cứu nổi bật yêu cầu phải có các biểu hiện lâm sàng và/hoặc lý luận về các vấn đề. Nên phải triển vọng qua các phương pháp nghiên cứu mới.

Hộp tài liệu miễn phí cho các bài báo nên thành công của bất kỳ nỗ lực nghiên cứu nào và tiến trình phải bao gồm tất cả những người có liên quan góp phần nên cho việc xác định khái niệm ban đầu, mô hình, lên kế hoạch, thực hiện và phân phối. Hộp tài liệu nên kiến song song trong mối quan hệ giữa chuyên môn này và các chuyên môn, ngành nghề khác, cũng như với khách hàng. Những bài báo phải có ở mọi cấp độ: phòng, quốc gia và quốc tế.

Các KTV có trách nhiệm thực hiện nỗ lực nghiên cứu và/hoặc chia sẻ các kết quả của những nghiên cứu này và việc công bố thông qua phạm vi phân phối bao gồm chia sẻ dữ liệu, xuất bản trên những tạp chí chuyên môn thích hợp, các bài trình bày trong những hội nghị, phòng truyền thông niên độ và cấp độ quốc gia.

Approved at the 15th General Meeting of WCPT June 2003

Tội quản lý

Nhận trách nhiệm trong việc quản lý ngành nghề là bắt buộc cho mọi các nhân KTV VLTL có quyền tự do và ra quyết định xét chuyên môn trong quá trình điều trị, lên chương trình phòng ngừa, chăm sóc và điều trị cho bệnh nhân trong giới hạn kiến thức và năng lực cho phép của một KTV.

Vì các hoạt động của KTV chính là trách nhiệm của mỗi cá nhân hội, do vậy các quyết định chuyên môn không thể bỏ không che giấu hoặc thỏa hiệp với người tuyển dụng hay người trong ngành nghề khác.

Hệ quả của quyền tự quản chuyên môn là ngành VLTL sẽ có trách nhiệm tiếp theo để tổ ban hành các nội luật.

• Các hoạt động ngành nghề và/hoặc nào cho KTV VLTL phải luôn nằm trong giới hạn của năng lực chuyên môn năng quản lý các KTV tại mỗi quốc gia.

• Các hiệp hội quốc gia phải có trách nhiệm làm việc với các thành viên nào vượt ra khỏi giới hạn năng lực chuyên môn, qua đó công chúng có thể nhận ra quyền tự quản trong chuyên môn.

Approved at the 13th General Meeting of WCPT June 1995

Hoạt động riêng lẻ

Vì VLTL là một ngành nghề có tính tự quản và độc lập, do đó KTV sẽ không gặp phải trở ngại

Bản tuyên bố các nguyên tắc nghề nghiệp và kỹ năng nghề nghiệp, vai trò ngành Văn lý trị lý

nam khi tham gia vào một hệ thống phân phối dịch vụ hay các hoạt động cải thiện nội dung chương trình mà trong đó mỗi cá nhân KTV sẽ thỏa thuận việc phân phối dịch vụ cho công chúng theo các chính sách chăm sóc sức khỏe của chính phủ hoặc các tài năng của họ trong.

Các chính sách về chăm sóc sức khỏe của chính phủ hoặc các tài năng của họ trong sẽ quyết định các phòng thủ chi trả có liên quan nên 1 bên thời 3, hay VLTL sẽ có vai trò trong thông quyết thay mặt cho KTV VLTL.

Approved at the 13th General Meeting of WCPT June 1995

Các thỏa thuận nội dung thông qua

Mọi KTV sẽ phải nắm bắt rằng trước khi nắm nhận một công việc gì đó phải có một thỏa thuận phù hợp.

1. Mọi người trong thanh niên có quyền nội dung cung cấp thông tin này như là để hiểu về nội dung pháp này:
 - • Bản mô tả này như là để dịch vụ nội dung từ nội dung cung cấp
 - • Số giải thích rõ ràng về những nguy cơ có thể xảy ra với phương pháp nội dung
 - • Có quyền mong đợi những ích lợi từ phương pháp nội dung này
 - • Khung thời gian để tính
 - • Chi phí để tính
 - • Những khía cạnh hợp lý cho phương pháp nội dung này nên ghi.
2. KTV VLTL phải nắm bắt hiểu rõ các nội dung khoản trước khi thỏa thuận.
3. Khi khách hàng trả ra không thông báo hoặc khi khách hàng chưa trả tiền thanh, mọi người bắt buộc phải pháp hoặc người nuôi dưỡng có thể là người nắm quyền quyết định.
4. Các KTV VLTL phải lưu lại những tài liệu cho thấy những thỏa thuận nội dung thông qua.
5. Các KTV VLTL năng hoạt động trong nội dung nhóm có trách nhiệm nắm bắt rằng phải ưu tiên cho những thỏa thuận phù hợp nội dung với nội dung pháp ban đầu. Tuy nhiên, những thỏa thuận thu nội dung sẽ không phải là trách nhiệm của KTV khi nắm bắt rằng khách hàng sẽ nội dung thông báo này như là VLTL.

Approved at the 13th General Meeting of WCPT June 1995

Quyền của bệnh nhân/ khách hàng trong dịch vụ VLTL

Lời nói đầu:

Mục tiêu của bản tuyên ngôn quyền lợi của bệnh nhân/khách hàng trong VLTL là nhằm thúc đẩy việc tôn trọng giá trị, sức khỏe và quyền tự do quyết định của bệnh nhân/khách hàng

Bản tuyên bố các nguyên tắc nghề nghiệp và kỹ năng nghề nghiệp, vai trò ngành Văn lý trị li u

nhằm bảo vệ nhân viên hợp pháp của bệnh nhân/khách hàng với hệ thống y tế và nhân viên biết là KTV VLTL, và nhân viên cho mỗi quan hệ tin cậy và tin nhiệm giữa bệnh nhân/khách hàng và KTV VLTL.

Nhiệm vụ tiêu chuẩn của tuyển chọn và quyền lợi của bệnh nhân/ khách hàng trong VLTL là các KTV, thời gian của bệnh nhân/khách hàng và các thành viên trong công đồng và phòng dịch các nguyên tắc và hành vi và các thông tin của các KTV.

Các KTV VLTL làm việc trong môi trường coi mỗi quan hệ công bằng và công bằng với những chuyên ngành y tế khác và với công chúng trong cùng một quốc gia và các dịch vụ y tế tốt nhất. Bản tuyển chọn và quyền lợi của bệnh nhân/khách hàng phải được dịch ra trong ngôn ngữ của pháp luật và các nguyên tắc hành vi cùng với các tiêu chuẩn nghề nghiệp. KTV VLTL cũng nên chú ý đến các bản tuyển chọn quốc tế và liên quan và các luật lệ của quốc gia theo từng vùng, chẳng hạn như: nhân quyền, quyền bình đẳng, phân biệt giới tính, phân biệt chủng tộc, quyền cá nhân, tị nạn, quyền luật, nội làm việc và các nguy cơ tại nơi và các thông tin.

Khi cung cấp các dịch vụ VLTL, KTV phải luôn luôn việc này mạnh mẽ khỏe của bệnh nhân và phòng chống bệnh cho mỗi cá nhân và cho các công đồng nơi chúng. Hơn nữa, KTV có trách nhiệm đảm bảo cho mỗi cá nhân nếu được biết về vấn đề và can thiệp y tế. Theo các nguyên tắc này, các nhân viên liên quan về VLTL, KTV phải đảm bảo dịch vụ nếu công bằng không phân biệt chủng tộc, đồng giới, màu da, giới tính, tuổi tác, quốc gia hay dân tộc, tình hình tình dục, người khuyết tật hay tình trạng sức khỏe. KTV phải tôn trọng quyền của mỗi cá nhân khi tiếp cận hoặc tìm kiếm các dịch vụ VLTL.

KTV phải luôn hành động theo nhân thức của mình và cho lợi ích của bệnh nhân, và trong thời gian phải có một số thông tin về bản thân bệnh nhân được quyền tối ưu nhất. Bản tuyển chọn và quyền của bệnh nhân/khách hàng trong VLTL nên thể hiện một số quyền lợi chủ yếu cho bệnh nhân/khách hàng mà chuyên ngành VLTL xác nhận và xuất hiện. Nội dung nhân viên y tế quanh bệnh nhân/khách hàng và những cá nhân có liên quan các việc khác của dịch vụ y tế phải có trách nhiệm nhân thức và giới thiệu những quyền này. Nếu có bất cứ hành động nào hợp pháp hoặc của chính quyền hay từ các ban quản lý từ chối các quyền lợi này, KTV nên kiến nghị theo luật lệ và báo cáo với các quyền lợi và báo những cách thức phù hợp.

Những nguyên tắc:

1. Bệnh nhân/khách hàng có quyền được thông tin các dịch vụ VLTL có chất lượng tốt.
 - 1.1 Mỗi bệnh nhân/khách hàng nếu có quyền lợi nhỏ nhau không phân biệt nơi sống trong các dịch vụ VLTL phù hợp.
 - 1.2 Mỗi bệnh nhân/khách hàng nếu có quyền lợi với các dịch vụ của KTV mà trong nội KTV là người tị nạn quyết định về mặt y khoa và nhân viên mà không có bất kỳ can thiệp bên ngoài nào.
 - 1.3 Mỗi bệnh nhân/khách hàng nếu có quyền lợi với các dịch vụ của KTV mà trong nội KTV là người hoàn toàn thực hiện các quyết định chuyên môn theo nền tảng giáo dục và kinh nghiệm của họ.
 - 1.4 Mỗi bệnh nhân/khách hàng có quyền hỏi ý kiến của một KTV khác trong bất kỳ tình huống nào.
 - 1.5 Bệnh nhân/khách hàng luôn được biết về quyền lợi của mình.
 - 1.6 Sẽ can thiệp/nhân viên được ứng dụng sẽ theo những nguyên tắc VLTL chung nếu được

Bản tuyên bố các nguyên tắc nghề nghiệp và kỹ năng về trí, vai trò ngành Văn lý trị li u

- thông qua.
- 1.7 Kế hoạch niều trò/can thiệp y khoa nđộc lđng giaithđng xuyên nhằm nhằm bảo tính hiều quai và cđi thích hđp với tình hình sức khỏe thay nđi của bệnh nhân.
 - 1.8 Bệnh nhân/khách hàng cđi quyền tđi do lđa chđn và thay nđi KTV của mình hoặc cđi quan y tđi cho đui lđtđo nhân hay nhân đđc,
2. Quyền của bệnh nhân/khách hàng về thông tin.
 - 2.1 Bệnh nhân/khách hàng cđi quyền tiếp nhận thông tin về tình hình sức khỏe của chính họ và những chính sách về hoạt đng, chi phí cho đch vui, mức tiêu của liều phđp, kết quai mong nđi và tiến trình nâng thđc hiển.
 - 2.2 Trong trường hđp cđi biệt, thông tin cđi thể nđđc giđu kín không cho bệnh nhân biết nếu KTV cho rằng thông tin nđi sẽ gây ra mđi nguy hiểm trđm trọng cho nđi sống hay sức khỏe bệnh nhân. Bệnh nhân/khách hàng cđi quyền chđn ra ngđđi nđi điể tiếp nhận thông tin nđi
 - 2.3 Thông tin cung cấp cho bệnh nhân phải cđng rõ cđng tđt. Những tủy chđn trong việc can thiệp hay niều trò VLTL nđđc thảo luận với bệnh nhân phải bao gồm cđi những thông tin cđi thể về những lđi ích, nguy cđi và những tác đng phđi
 - 2.4 Cách chuyể thông tin nên phđi hđp với văn hóa của nđi phđng nđi bệnh nhân/khách hàng nâng sống và theo cách bệnh nhân/khách hàng cđi thể hiều nđđc.
 - 2.5 Bệnh nhân/khách hàng nên nđđc cho biết về quyền của mình khi tđi chơi khám/niều trò/can thiệp và bđi cđi luật nđi mà không cđi tđn hai gì cho việc niều trò về sau.
 - 2.6 Bệnh nhân/khách hàng cđi quyền than phđi về những sđi khiếu nại nđi sẽ nđđc giải quyết tđn hđ. Bệnh nhân/khách hàng cđi phải nđđc biết thđi tđc khiếu nại nhỏ thể nđđc.
 3. Quyền của bệnh nhân/khách hàng nđi với các thođi thuận nđđc thông báo
 - 3.1 KTV chđi cđi trách nhiệm duy nhất trong niều khoản này là cung cấp thông tin về VLTL cho bệnh nhân/khách hàng và cđi nđđc sđi cho phđp của họ trước khi bđi nđi khám và niều trò/can thiệp. Sđi chđp thuận của bệnh nhân/khách hàng là niều kiể tiếp quyết cho bđi kđi sđi chđi trò/can thiệp nđđc.
 - 3.2 Sđi chđp thuận phải bao gồm cđi việc nhận biết những kiể thđc sau này:
 - Thể lođi và tính chất của VLTL.
 - Những nguy cđi đi cùng với cách niều trò/can thiệp nđđc ñe ñng hđ.
 - Những lđi ích mong nđi tđi về việc niều trò/can thiệp.
 - Các thay thể hđp lý cho cách niều trò/can thiệp nđđc ñe ñng hđ.
 - 3.3 Sđi chđp thuận yđu cầu:
 - Sđi chđp thuận của mđi ngđđi hoan toan trường thành.
 - Sđi chđp thuận của cha mẹ hoặc ngđđi bđi hđi hđp phđp với vai trò là ngđđi nđi điể ra quyết đnh khi bệnh nhân/khách hàng là ngđđi lớn không sống sđi hoặc khi bệnh nhân/khách hàng con nhỏ
 - 3.4 Sđi chđp thuận bao gồm văn bản hoặc lđi nđi hoặc là chđp thuận ngđi hay bđi kđi hình thđc nđđc phải nđđc giải thích rõ hoặc kđi kết trước khi quai trình niều trò ñe ñng hđ nđđc bđi nđi. Nếu là sđi chđp thuận bằng lđi nđi, phải lđu lại cuđi hđi thođi, bao gồm cđi khoảng thời gian KTV giải thích và lđi chđp thuận của bệnh nhân/khách hàng.
 - 3.5 Bệnh nhân/khách hàng cđi quyền tđi quyết bao gồm cđi việc tham gia vào các quyết

B n tuyên b các nguyên t c ngh nghi p và kh ng nh v trí, vai trò ngành V t lý tr li u

- nình phòng thời n iều trò VLTL. Bệnh nhân/khách hàng có quyền t i do quyết ñình về bản thân mình. KTV sẽ báo cho bệnh nhân/khách hàng biết về những hậu quả t i những quyết ñình của mình.
- 3.6 Bệnh nhân/khách hàng tr i tình trạng tinh thần sáng suốt có quyền ñ ra hoặc rút lại lời chấp thuận ñ i với bất kỳ tiến trình khám bệnh hay liệu pháp VLTL nào. H i cũng có quyền ñ i với các thông tin cần thiết cho ñ ra quyết ñình và phải hiểu mức ñích của việc khám bệnh, ñ i trò hoặc can thiệp và những hậu quả có thể xảy ra của việc rút lại lời chấp thuận.
- 3.7 Lời chấp thuận của bệnh nhân/khách hàng rất cần thiết cho việc tham gia vào công tác ñ ab và nghiên cứu VLTL.
4. Quyền của bệnh nhân/khách hàng ñ i với việc bảo mật.
- 4.1 Bệnh nhân/khách hàng có quyền yêu cầu giới kín những thông tin mật. Tất cả những thông tin ñ ra biết tình trạng sức khỏe, chẩn ñ đoán, ñ i ñ đoán và ch i trị/can thiệp của bệnh nhân/khách hàng và tất cả những thông tin cá nhân khác phải ñ i bảo mật trừ khi bệnh nhân/khách hàng cho phép hoặc khi KTV ñ i pháp luật yêu cầu.
- 4.2 Những thông tin xuất phát từ mối quan hệ công việc của các KTV cũng ñ i giới kín.
5. Bệnh nhân/khách hàng có quyền tiếp cận các ñ i liệu:
- 5.1 Bệnh nhân/khách hàng có quyền tiếp cận mọi thông tin có liên quan ñ i h i t i KTV và phải ñ i thông báo khi thông tin về VLTL của h i ñ i chuyển vào ngân hàng ñ i liệu.
- 5.2 Những người khác ch i có thể tiếp cận ñ i liệu về VLTL với sự cho phép của bệnh nhân hoặc ñ i pháp luật cho phép.
- 5.3 Bệnh nhân/khách hàng có quyền sửa ñ i hoặc hủy ñ i những thông tin không ñ iung.
6. Quyền của bệnh nhân/khách hàng ñ i các giao ñ i y tế
- 6.1 Mọi bệnh nhân/khách hàng ñ i có quyền ñ i các giao ñ i y tế vì h i sẽ ñ i hoạt ñ i rất nhiều trong việc lựa chọn những vấn ñ e có liên quan ñ i sức khỏe cá nhân cũng như những ñ i dịch vui y tế hiện có
- 6.2 Việc giao ñ i ñ i bao gồm những thông tin về lối sống lành mạnh và những phòng pháp phòng chống và những căn bệnh ñ i phải hiện g n này.
- 6.3 ñ i nhận mạnh về trách nhiệm cá nhân của mọi người ñ i với sức khỏe của chính h i.
- 6.4 Bệnh nhân/khách hàng có quyền ñ i tiếp tục sử dụng các ñ i dịch vui y tế KTV có ñ i phân phải phối h p trong việc sắp xếp các ch iếm sức VLTL ch i ñ i với những người cung cấp ñ i dịch vui y tế khác trong việc ñ i trò cho bệnh nhân.
7. Quyền ñ i t i trong cá nhân của bệnh nhân/khách hàng
- 7.1 Lòng t i trọng và quyền t i do cá nhân của bệnh nhân phải luôn luôn ñ i t i trọng trong các ñ i dịch vui VLTL và khi truyền ñ i các bài tập VLTL, cũng như vấn ñ e và các ñ i giải ñ i của bệnh nhân.
- 7.2 Bệnh nhân/khách hàng có quyền ñ i ch i trong danh ñ i và có quyền ñ i ch iếm sức nhân ñ ab vào cuối ñ i.

Bản tuyên bố các nguyên tắc nghề nghiệp và kỹ năng nghề nghiệp, vai trò ngành Văn lý trị u

Approved at the 15th General Meeting of WCPT, June 2003

Quyền của khách hàng

Các KTV VLTL phải luôn làm việc với sự quan tâm lo lắng cho bệnh nhân. Bệnh nhân có quyền:

- Tham gia vào việc triển khai các mục tiêu nhiều trò.
- Các thông tin thích hợp mà đưa vào nội dung của quyết định chấp thuận hay từ chối nhiều trò.
- Được tham gia với các KTV VLTL, những người có toàn quyền đưa ra những quyết định về các hoạt động chuyển mình theo kinh nghiệm và niềm tin của gia đình của họ.
- Mong đợi các KTV tôn trọng sự bảo mật những thông tin của bệnh nhân, hạn chế việc tiết lộ những thông tin cho mọi bên thứ 3 mà không có sự cho phép của bệnh nhân.
- Phải được tôn trọng, được nói và lắng nghe những thông tin quan trọng của bệnh nhân.
- Tôn trọng những vấn đề hay cảm xúc của gia đình hoặc chính trò của bệnh nhân.
- Có người đại diện nếu cần thiết trong phòng chờ đợi.
- Khiêu nại với người có quyền hạn nếu bệnh nhân không hài lòng với dịch vụ chăm sóc.

Approved at the 13th General Meeting of WCPT June 1995

Quyền trẻ em

Liên đoàn VLTL thế giới thông qua quy định về quyền của trẻ em.

Các tổ chức thành viên của liên đoàn VLTL thế giới sẽ xúc tiến việc phê chuẩn quy định về quyền trẻ em sớm nhất khi có thể với các cấp chính quyền và tại những nước mà quyền Trẻ em đã được phê chuẩn, các tổ chức thành viên sẽ xúc tiến việc thực hiện và theo dõi tiến trình này.

Approved at the 13th General Meeting of WCPT June 1995

Mối quan hệ với các nhân viên y tế

VLTL được xem là một ngành nghề chăm sóc sức khỏe có mối quan hệ rộng rãi và ngang hàng với các chuyên ngành y khoa khác trong việc chăm sóc sức khỏe cho bệnh nhân.

Ở nhiều nước hiện nay, VLTL đã có bước tiến nhanh tiến và thu hút chuyên bệnh từ một nhân viên y tế khác trở thành cung cấp dịch vụ chăm sóc VLTL đã không còn cần thiết nữa, cả về

Bản tuyên bố các nguyên tắc nghề nghiệp và kỹ năng nghề nghiệp, vai trò ngành Văn lý trị lý

mặt luật pháp liên lạc nội.

Ồn những nói coi yêu cầu về luật pháp hoặc nội bộ nói với việc chuyên bệnh cho dịch vụ VLTL, những trường hợp nội phải coi những thông tin y tế cá nhân thiết bị kèm.

Các KTV phải coi nội phải chất và nội bộ những yêu cầu về ngành nghề nhằm nhằm nông việc nhằm giải toan diện bệnh nhân, trình bày các chẩn đoán VLTL, lên kế hoạch và thực hiện chương trình chăm sóc những nói phù hợp, lồng ghép các hoạt động các trường hợp can thiệp y tế và quyết định sắp xếp xuất viện cho bệnh nhân.

Các KTV VLTL phải coi những chính sách và tiến trình phù hợp, nung lực cho việc tiếp xúc với bệnh nhân với những nhân viên y tế khác nhằm bảo đảm những tham vấn y tế cá nhân thiết bị và cung cấp những tài liệu và báo cáo chính xác.

Approved at the 13th General Meeting of WCPT June 1995

Mối quan hệ với các ngành nghề y tế khác

Trong nhiều tình huống các KTV sẽ hoạt động trong mối quan hệ gần gũi với các nhân viên y tế khác trong việc chăm sóc bệnh nhân. Có nhiều chuyên môn nội bộ phải triển khai các nền tảng khoa học tổng thể nhau và vì thế có thể có chung các nền tảng về phòng diện lý luận và hoạt động với VLTL

Các KTV phải coi những kiến thức này như vai trò và chức năng của những quy tắc khác, cần biết lẫn những khác nhau cốt lõi cũng như những nền tảng chung.

Trách nhiệm của hội VLTL quốc gia cũng như ban thân các KTV VLTL phải coi những chuẩn bị nội bộ thích vai trò và chức năng của VLTL, nên thể hiện hiệu quả của VLTL và nên quảng bá thông tin về VLTL một cách này như là phù hợp.

Các tổ chức thành viên sẽ nội bộ hỗ trợ nhằm phát triển vai trò và chức năng của VLTL tại những nói coi chính sách bảo trợ cho ngành VLTL và KTV. Tuy nhiên, những nói coi các nội bộ luật này thì các tổ chức thành viên phải nên cao tầm quan trọng của danh tiếng cho chuyên môn coi nội bộ triển khai thể hiện sự mau mắn khi lẫn những phòng tiên tiến nhất chứng minh cho giá trị của chuyên môn VLTL.

Các tổ chức thành viên nội bộ khuyến khích phát triển các mối quan hệ công việc coi hiệu quả với các cá nhân thuộc quốc gia này diện cho những chuyên ngành chăm sóc sức khỏe khác và qua giao tiếp phát triển kiến thức, cố gắng loại trừ hoặc giảm thiểu bất cứ thái độ hoặc có xét tiêu cực nào.

Approved at the 13th General Meeting of WCPT June 1995

Kế hoạch nguồn nhân lực

Trách nhiệm của KTV VLTL là thông qua các hiệp hội quốc gia làm việc với chính phủ và các cơ quan khác nên coi mặt trong chương trình nhân sự (lực lượng lao động) quốc gia. Những chương trình như vậy nhằm nên mức thích cân bằng giữa cung và cầu KTV VLTL, và cân bằng giữa việc nhằm bảo các KTV coi chất lượng và cung cấp nhân sự hỗ trợ nhằm coi nội bộ một nội bộ chăm sóc sức khỏe tốt nhất cho công nghiệp.

Approved at the 13th General Meeting of WCPT June 1995

Một số công việc VLTL

Nhập lại bản kiến nghị tại Hội thảo kết luận 13 nhằm phát triển chuyên môn VLTL, liên quan VLTL thế giới nhằm khôi phục một chương trình có liên quan với y sinh cung cấp một quy định rõ ràng trên những các tổ chức thành viên tại khắp nơi trên thế giới có thể xây dựng một mô hình VLTL phù hợp với nhu cầu của hội.

Liên quan VLTL thế giới cam kết hỗ trợ cho các tổ chức thành viên chủ yếu trong việc khôi phục. Nhiều nay chiếu theo tinh thần của các tổ chức VLTL sẽ phải nỗ lực xây dựng theo nhu cầu của một công việc. Vì vậy, bản nguyên tắc hoạt động này được xem là bản tuyên bố quan niệm và mối rộng rãi được thông qua một cách hoàn toàn hoặc một phần hoặc phát triển hơn nhằm đạt được những nhu cầu chuyên môn. Một bài nghiên cứu nâng cao được thực hiện nhằm thể hiện những công nhận mà đã làm nên sự thực hiện những hoạt động trong tương lai.

VLTL là gì?

Tính chất của VLTL

VLTL cung cấp cho mọi người những dịch vụ nhằm phát triển, duy trì và phục hồi tất cả những vấn đề về chức năng trong suốt cuộc đời. VLTL bao gồm việc cung cấp các dịch vụ trong những trường hợp về chức năng bị đe dọa bởi tiến trình lão hóa, chấn thương hoặc bệnh tật. Vấn đề này là vấn đề về chức năng có liên quan đến lối sống khỏe mạnh.

VLTL bao gồm xác định và tăng cường tất cả những tiềm lực về chức năng trong phạm vi phát triển, phòng ngừa, điều trị và phục hồi chức năng. VLTL cũng liên quan đến mối tương quan giữa KTV, bệnh nhân/khách hàng, các gia đình và nhân viên chăm sóc y tế khác trong tiến trình nâng cao các vấn đề về chức năng và trong việc thiết lập những thỏa thuận về các mục tiêu và nội dung cần phải sử dụng những kiến thức và kỹ năng chuyên biệt của KTV.

Cải thiện chuyên biệt về các thể con người, những nhu cầu hoạt động và tiềm năng của KTV VLTL là trung tâm trong việc chẩn đoán và thiết lập các kế hoạch can thiệp và phải phù hợp với các chương trình hoạt động nào. Những chương trình này sẽ biến đổi trong những mối quan hệ mà VLTL có liên quan đến hồ sơ tiến y tế phòng chống, điều trị hoặc phục hồi chức năng.

Bản chất của tiến trình VLTL

VLTL là dịch vụ chăm sóc cung cấp bởi/dành cho những người dân và các nhà của một KTV VLTL và bao gồm khám, chẩn đoán, lên kế hoạch, can thiệp và lồng ghép.

Khám bao gồm các kiểm tra cho mọi các nhân hoặc nhóm những tổn thương trên thực tế hoặc những khả năng gây tổn thương, giới hạn chức năng, khuyết tật hoặc những vấn đề sức khỏe khác bằng cách xem tiến sử bệnh, theo dõi và sử dụng những bài kiểm tra, cách xử trí và lồng ghép các kết quả của bài kiểm tra thông qua phân tích và tổng hợp trong quá trình suy luận lâm sàng.

Bản tuyên bố các nguyên tắc nghề nghiệp và kỹ năng nghề nghiệp, vai trò ngành Vật lý trị liệu

Chẩn đoán này sinh ra qua trình khám và thông gia và thể hiện kết quả của tiến trình suy luận lâm sàng. Nhiều nay được thể hiện qua số vấn đề khác thông hoặc có thể gặp phải các loại tổn thương, giới hạn chức năng, các khả năng/thiếu năng hoặc triệu chứng.

Liên kế hoạch bắt đầu với việc nhìn nhận nhu cầu can thiệp và thông gia để dẫn đến việc phát triển 1 kế hoạch can thiệp, bao gồm những mục tiêu có thể đạt được thỏa thuận trong quá trình thỏa thuận với bệnh nhân/khách hàng, gia đình hoặc những nhân viên chăm sóc y tế khác. Hoặc cũng có thể dẫn đến việc phải chuyển bệnh nhân qua một cơ quan chuyên ngành khác trong trường hợp không phù hợp với VLTL.

Quá trình can thiệp được thực hiện và thay đổi nhằm đạt được mục tiêu thỏa thuận và có thể bao gồm việc xử lý thông tin, nâng cao hoạt động, các tác nhân thể chất, luyện tập chức năng, cung cấp các phòng tiến và hỗ trợ giúp, tư vấn và giúp đỡ bệnh nhân, dẫn chứng tài liệu, phối hợp và giao tiếp. Số can thiệp cũng có thể nhằm đến mục đích phòng ngừa các tổn thương, giới hạn chức năng, tái tạo và chữa lành bao gồm việc thực hiện và duy trì sức khỏe, chất lượng sống và giáo dục thể chất cho mỗi người dân ở mọi lứa tuổi. Việc thông gia phải bao gồm cả quá trình kiểm tra lại các mục tiêu của kết quả thông gia

VLTL sẽ hoạt động như thế nào?

Phạm vi hoạt động của các dịch vụ VLTL:

VLTL là 1 phần cần phải có của hệ thống phân phối các dịch vụ y tế Các KTV VLTL hoạt động nên lập cho các nguồn cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác và cũng trong phạm vi các chương trình phục hồi chức năng và chuyển ngành cho việc phục hồi các chức năng tối ưu và chất lượng sống cho mỗi cá nhân bị tổn thương và mất kiểm soát hoạt động. Các KTV hoạt động theo các nguyên tắc nào đó của chính họ. Vì vậy, họ có thể có 1 trong những mục đích sau:

- Xúc tiến và nâng cao sức khỏe cho các cá nhân và cộng đồng xã hội.
- Phòng ngừa các tổn thương, giới hạn chức năng và khuyết tật cho mỗi cá nhân có nguy cơ các hành vi và vấn đề về thể chất do các nguyên nhân có liên quan đến sức khỏe, căng thẳng do kinh tế xã hội và các nguyên nhân do cuộc sống.
- Can thiệp khi cần để phục hồi tình trạng nguyên vẹn của các hệ thống trên cơ thể cá nhân thiết cho số vấn đề, tăng cường tối đa các chức năng và phục hồi sức khỏe, giảm thiểu việc các chức năng không hoạt động và phát triển chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân và cho cộng đồng khi có những hành vi và vấn đề về thể chất do tổn thương, giới hạn chức năng hoặc do khuyết tật.

Những môi trường có thể thực hiện VLTL

VLTL được thực hiện trong rất nhiều hệ thống cho phép chuyển môn này có thể đạt được những mục đích tối nhất.

Tiến trình nhiều trò và phục hồi chức năng thông gia có thể có trong những hệ thống chăm sóc cấp tính nhờ những trường hợp sau đây:

- Các trại tái tạo

B n tuyên b các nguyên t c ngh nghi p và kh ng nh v trí, vai trò ngành V t lý tr li u

- Các bệnh viện
- Các bệnh xãi
- Các trung tâm phục hồi chức năng/ Nha riêng
- Văn phòng/phòng khám/bệnh viện tở nhân của KTV VLTL
- Phòng khám bệnh nhân ngoài trui
- Các hệ thống thuốc công nông nhõ trung tâm y tế nha riêng
- Các trung tâm giáo dục vãnghiên cũu

Phòng chống va xuc tiến y tế hầu nhõ có mặt ói nhõng cô cấu sau này mà đư chæ thông lao 1 đang hoãtrõi cho quã trình nĩeu trò va phục hồi chức năng tại các hệ thống chăm sóc sức khỏe.

- Các trung tâm dinh dõng/CLB thể dục/Spa
- Các trung tâm hoạt ñõng y tế
- Các trõõng học
- Các viẽn dõõng lao
- Trung tâm thể thao
- Nội lam viẽn, văn phòng công ty
- Các nõi công công (trung tâm mua sắm...) ñe xuc tiến y tế

Ñãc ñĩem của VLTL là gì?

Nhõng lập luãn thể hiẽn kiến thõc va phạm vi hoạt ñõng của VLTL

Nhõng lập luãn sau này sẽ ñõc thể hiẽn trong bản mõi tãinãy va phạm ảnh nhõng vấn ñe trong tâm của VLTL

Di chuyẽn

Khãinãng chuyẽn ñõng lao mõi nhân tãicãn thiẽn cho sức khỏe. Chuyẽn ñõng luõn đõa va các chức năng can thiẽn hoãc ñõng bo của cô thể con ngõõi mõi nhõng mõi ñõc khác nhau.

Chuyẽn ñõng lao cũi chũi ñĩch va bõ tãic ñõng bõi nhõng nhân tãicãn trong va bẽn ngoài. VLTL hõõng ñe nhõng nhu cầu va ñõng va các tiẽm năng của mõi con ngõõi.

Cãinhan bệnh nhân

Mõi cũinhan ñe cũi nhõng phãn õng lao kết quã của sõi phãn hoã tãicõ thể ñõi với các nhân tãicõ thể chãt, tâm lý xãihõi va mõi trõõng. Cô thể ñãu õc va tâm hõi ñõng gõp va cũi nhĩn của mõi cũinhan va cho phép hõi phãt triẽn nhân thõc của các mức tiẽu va nhũ cầu va ñõng của chính bản thân.

Các nguyên tãc ñã ñõc ngheãnghiệp ñõi hõi KTV phãt công nhân quyeĩn của bệnh nhân hoãc các ngõõi bãb hoãhõp phãp khi tìm ñe các ñĩch vũ của hõi

Sõi tãõng tãc

Tãõng tãic lao ñe cũi cũi ñõc sõi thõng hiẽn lẫn nhau giõa KTV VLTL va bệnh nhân/khãch hàng/cãc gia ñĩnh hoãc các nhân viẽn chăm sóc sức khỏe khác va ñõng mõi vai trò khõng nhõi trong VLTL. Sõi tãõng tãic là mõi ñĩeu kiến tiến quyeĩ cho nhõng thay ñõi cũi tĩnh khãiquan cho sõi nhãn thõc của cô thể va nhõng hãnh vi chuyẽn ñõng, nhõng vấn ñe ñãnãy cũi thể giũp xuc tiến y tế Sõi tãõng tãic thõõng liẽn quan ñe mõi quan hệ cũi tãic trong các nhõm ñã chuyẽn mõi trong viẽn xãc ñĩnh các nhu cầu va mức tiẽu cho viẽn can thiẽn VLTL va nhãn thõc rằng bệnh

B n tuyên b các nguyên t c ngh nghi p và kh ng nh v trí, vai trò ngành V t lý tr li u

trì trạng thái cân bằng nào đó ra một trách nhiệm nặng nề cho các cô quan chủ quản khi tham gia vào các thỏa thuận nhỏ trên.

Khai niệm trao đổi các quyền giữa các cô quan chính quyền không phải là một vấn đề lớn mà là một vấn đề tại các nhà ở trong nhiều năm nay. Các thỏa thuận thông mai mang tính quốc gia, quốc tế và vấn đề kinh tế toàn cầu nào cho thấy 1 số kích lệ các tổ chức tiếp tục xem xét những thỏa thuận nhỏ vậy.

Liên hoan VLTL thế giới:

- Xem xét việc chấp nhận các tiêu chuẩn ngành nghề lẫn nhau hiện đang là vấn đề của các tổ chức và các cải tiến hành nghề tại các nước có liên quan.
- Chấp nhận rằng khi các rào cản hạn chế hoạt động là hợp pháp và cần thiết nhằm hạn chế những người không có tay nghề hoạt động tại một nước nào đó những hạn chế nhằm mức độ chấp nhận và quyền lợi chuyển đổi của quốc gia hoặc nhà phòng là hoàn toàn không chấp nhận được.
- Chấp nhận rằng các cô quan chủ quản có thể muốn giới thiệu quyền lợi cho những người xin việc không có đủ hiểu biết về luật nhà phòng, các quy tắc y tế luật và các tiêu chuẩn tổ chức ngành nghề.
- Tin tưởng rằng hệ thống các quy định hiện tại công bằng và phù hợp là nhiều kiến thức quyết cho nhận thức các tiêu chuẩn ngành nghề của cải tiến và của mỗi người.
- Thực này các tổ chức thành viên khuyến khích các cải tiến có thể tham gia kết hợp những nguyên tắc đối này vào thủ tục thành lập, quản lý và theo dõi quá trình năng lực

Các nguyên tắc cho tiến trình năng lực

- Các yêu cầu năng lực và các hành nghề trong 1 quốc gia nên:
- Nói với tất cả các người xin việc nếu giống nhau cho mỗi quốc tịch, chủng tộc, tín ngưỡng, chính trị, giới tính hay nhà và xã hội;
- Dựa trên các tiêu chuẩn về công bằng, khách quan và minh bạch nói với việc giáo dục, trải nghiệm và/hoặc kiểm tra chuyên môn/
- Không được rườm rà hơn một cần thiết để bảo đảm sự an toàn cho người dân.
- Không được sử dụng vì mức độ riêng nhằm hạn chế việc cung cấp KTV tại các quốc gia có nhu cầu.
- Khi giao tiếp phải sử dụng ngôn ngữ rõ ràng, dễ hiểu.

Approved at the 14th General Meeting of WCPT May 1999

Vấn đề chuyển đổi hoàn

Liên hoan VLTL thế giới bảo đảm cho các tổ chức thành viên có quyền lập ra các chính sách quốc gia để cho phép hành nghề tại những nơi mà các hoạt động nhỏ thế giới cho làm lại lợi ích cho nhận diện và cho chuyển đổi bằng cách xúc tiến các tiêu chuẩn cao hơn cho ngành VLTL.

Liên hoan VLTL muốn các nói và kết hợp việc phát triển hoạt động chuyên môn bằng cách

Chương trình PHCN đưa vào công cộng

Chương trình phục hồi chức năng trong công cộng (CBR) nhằm mục đích xác định và thực hiện chiến lược trong phạm vi phát triển công cộng qua phục hồi chức năng, cân bằng các cơ hội và hòa nhập vào xã hội với mọi trẻ em và người lớn bị khuyết tật. Chương trình CBR được triển khai dựa trên sở thích của người khuyết tật, gia đình họ, cộng đồng và những dịch vụ thích hợp về dạy nghề, giáo dục, nghề nghiệp và xã hội. (bản đổi thảo luận nhiệm vụ của ILO, UNESCO, UNICEF và WHO, 2002)

Liên đoàn VLTL thế giới hỗ trợ cho việc phát triển chương trình CBR với tư cách là một phòng tuyến giúp đỡ cho người khuyết tật nâng cao các khả năng thể chất, tinh thần và xã hội. Hội nhân thức rằng những thay đổi của công cộng thông qua các thiết bị xúc tiến và hoàn thành nhân quyền cho người khuyết tật trở thành những thành viên chủ chốt trong công cộng của họ. Liên đoàn VLTL thế giới nhận ra rằng hệ thống CBR sẽ mở rộng ra bên ngoài lĩnh vực y tế và sẽ bao gồm cả những lĩnh vực phục hồi chức năng khác như giáo dục, xã hội, hướng nghiệp và kinh tế. Hội đồng tại trong cùng cơ quan, ban ngành và chuyển đổi mọi cấp độ là rất quan trọng trong việc hỗ trợ phòng ngừa phục hồi chức năng toàn diện này. Các chuyển ngành chăm sóc sức khỏe làm việc với các công cộng tại nhà phòng và các nhân viên những nơi tại có liên quan trong việc lên kế hoạch, hoạt động và theo dõi dịch vụ.

KTV VLTL được trang bị để làm việc trong các hệ thống y tế và ở ngoài thành và có những công cộng quan trọng trong chương trình CBR:

Bằng cách đưa ra những can thiệp nhằm đến mục tiêu xúc tiến y tế phòng bệnh, nhiều trẻ em phục hồi chức năng.

- Bằng cách nâng tạo và truyền bá các kỹ năng cho những nhân viên y tế khác, người chăm sóc và công cộng nhằm hoàn thành những mục tiêu của VLTL và của khách hàng.
- Qua việc tổ chức, cho lời khuyên, ứng dụng và các nhà cho những nhân viên chăm sóc y tế và giáo dục và xã hội khác.
- Với vai trò là người khởi xướng và quản lý các chương trình.
- Với vai trò là cố vấn thành lập các chính sách cho các tổ chức chính phủ phi chính phủ và các tổ chức của người khuyết tật.

Các KTV VLTL này được chuẩn bị để hoàn thành vai trò qua việc nâng tạo và các cơ hội phát triển chuyển đổi như sau.

Liên đoàn VLTL thế giới yêu cầu các chính phủ và các tổ chức phi chính phủ bắt đầu việc can thiệp vào việc phát triển chính sách hỗ trợ chương trình CBR. Hơn nữa liên đoàn cũng yêu cầu mọi nhà và công cộng khi thảo luận với những người làm việc trong công cộng và những người làm việc trong những bệnh viện nội thành.

Hỗ trợ nhân sự cho hoạt động VLTL

VLTL được quốc tế công nhận là một ngành nghề và các kỹ năng hoạt động bởi những KTV có chất lượng và có phép hành nghề (ở những quốc gia có pháp luật yêu cầu.)

Thuật ngữ nhân viên hỗ trợ được dùng theo nghĩa chung để bao hàm cả phạm vi phát triển loại chức năng hỗ trợ kỹ thuật viên hoặc người trợ giúp. Thuật ngữ này bao gồm cả

Bản tuyên bố các nguyên tắc nghề nghiệp và kỹ thuật, vai trò ngành Văn lý trị li u

những phân loại khác nhau tiếp cận, hỗ trợ các nhà văn trí tuệ phục vụ tiếp theo bất cứ cách nào.

Liên đoàn VLTL thế giới công nhận nhiều và trí khác nhau giữa các tổ chức thành viên trong việc tuyển dụng các nhân sự hỗ trợ. Việc có nhiều và trí khác nhau này đòi hỏi liên đoàn VLTL thế giới phải tìm kiếm cách sao cho không can thiệp, gián đoạn hay ngăn cản các hoạt động giữa một tổ chức thành viên nào đó thông qua.

Liên đoàn VLTL thế giới xác nhận quyền phát triển các chính sách của mỗi tổ chức thành viên để hỗ trợ việc tuyển dụng những và trí nhân sự hỗ trợ chăm sóc khách hàng trực tiếp, đồng thời cũng xác nhận quyền của mỗi tổ chức thành viên phát triển các chính sách tiếp nhận việc tuyển dụng những và trí hỗ trợ tùy thuộc vào những điều khoản sau đây:

1. Các và trí nhân sự hỗ trợ sẽ được tập huấn phù hợp nhằm làm việc hiệu quả và an toàn với bất cứ tình hình vui chơi sức khỏe trực tiếp nào mà hiệp hội quốc gia cho rằng nằm trong phạm vi hoạt động của KTV.
2. Các nhân sự hỗ trợ sẽ luôn được xếp loại rõ ràng về khách hàng không nghi ngờ rằng nhân viên không phải là KTV.
3. Các nhân sự hỗ trợ sẽ hoạt động chỉ trong các dịch vụ VLTL được quản lý đối với các nhà và phòng dân của KTV VLTL trong các chương trình hoạt động chăm sóc trực tiếp.
4. Trách nhiệm của KTV là tiếp cận các nhu cầu của khách hàng về chăm sóc VLTL, phát triển kế hoạch chăm sóc VLTL, lên kế hoạch chăm sóc và báo năm rằng kế hoạch được hoạt động đúng tiến độ và được lồng ghép chính xác.
5. Các nguyên tắc này được đặt KTV phải có những nguồn tham khảo cụ thể về việc sử dụng thích hợp các và trí nhân sự chăm sóc khách hàng trực tiếp.

Các hiệp hội VLTL quốc gia xác nhận việc tuyển dụng các nhân sự hỗ trợ phải có các chính sách tiêu thụ và tiếp thu hiệu quả nhằm bảo đảm cho người tuyển dụng, chính phủ và cộng đồng hiểu rằng những và trí nhân sự hỗ trợ này không thể thay thế cho 1 KTV có chuyên môn.

Approved at the 13th General Meeting of WCPT June 1995

Chăm sóc VLTL cho người già

Liên đoàn VLTL thế giới thực hiện các tổ chức thành viên hoạt động bằng cách khuyến khích mạnh mẽ những cải tiến được phép hoạt động kết hợp chặt chẽ theo những nguyên tắc sau với các kế hoạch và chương trình quốc gia:

1. Phải có sự chú ý tham gia từ KTV với kiến thức và kinh nghiệm phù hợp về việc phát triển dịch vụ cho người lớn tuổi và việc lập nên các chính sách và lên kế hoạch ưu tiên quốc tế quốc gia và nhà phòng.
2. Các dịch vụ nhanh chóng và được báo KTV cung cấp phải luôn sẵn sàng và đang chờ đợi người lớn tuổi khi giải quyết những vấn đề ảnh hưởng đến khả năng và chức năng của họ.
3. Việc cung cấp các dịch vụ VLTL tại gia hoặc trong các chương trình được tổ chức dành cho những người cao tuổi, những người thường phải ở nhà nhờ các dịch vụ khám bệnh tại gia, trạm xử lý trung tâm y tế hoặc các chương trình chăm sóc sức khỏe, nên được xúc

Bản tuyên bố các nguyên tắc nghề nghiệp và kỹ thuật, vai trò ngành Vật lý trị liệu

tiền nhờ lao động thay thế cho các trung tâm chăm sóc sức khỏe hoặc bệnh viện có chi phí cao.

4. Thiết lập chương trình VLTL cho những người không có điều kiện tiếp cận trực tiếp các dịch vụ chăm sóc, ví dụ như người cao tuổi tại các vùng nông thôn.

Approved at the 13th General Meeting of WCPT June 1995

Các căn bệnh có nguy cơ lây nhiễm cao

Việc cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao trong thời gian trong các quyền của bệnh nhân phải luôn tiên hành của mọi KTV VLTL.

Các KTV VLTL phải tự mình thích nghi với những tiêu chuẩn của những nơi mà họ đang làm việc và những tiêu chuẩn do các cơ quan y tế nhà phòng hoặc quốc gia đưa ra.

Approved at the 13th General Meeting of WCPT June 1995

Các nguyên tắc tiêu chuẩn của Liên Hiệp quốc trong việc bình đẳng cơ hội dành cho người khuyết tật

Các điều kiện tiên quyết cho quyền tham gia bình đẳng

Điều luật 1: Năng cao nhân thời

Các quốc gia phải có những hoạt động nâng cao nhân thời của xã hội về người khuyết tật, quyền, tiềm năng và những đóng góp của họ.

Điều luật 2: Chăm sóc y tế

Các quốc gia phải bảo đảm việc cung cấp một dịch vụ chăm sóc y tế hiệu quả cho người khuyết tật.

Điều luật 3: Phục hồi chức năng.

Các quốc gia phải bảo đảm việc cung cấp các dịch vụ phục hồi chức năng cho người khuyết tật nhằm giúp họ đạt được một số mức độ lập và hoạt động tốt nhất.

Điều luật 4: Các dịch vụ hỗ trợ

Các quốc gia phải bảo đảm việc phát triển và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ, bao gồm các dụng cụ hỗ trợ cho người khuyết tật, giúp họ nâng cao một số mức độ lập trong cuộc sống hàng ngày và thực thi các quyền của mình.

Số công bằng cần có là các mục tiêu nhỏ sau

Điều luật 5: Tiếp cận

B n tuyên b các nguyên t c ngh nghi p và kh ng nh v trí, vai trò ngành V t lý tr li u

Các quốc gia phải công nhận tầm quan trọng tuyệt vời của việc tiếp cận tiến trình công bằng cho các cô gái trong toàn thế giới. Nói với người bà bắt đầu hình thức khuyết tật nào, chính quyền nhà phòng phải: (a) giới thiệu các chương trình hoạt động giúp cho mọi trường phục hồi thể chất để tiếp cận và (b) có trách nhiệm nhận giải pháp ra khỏi tiếp cận nên những thông tin và các mối liên lạc cần thiết.

Nội luật 6: Giáo dục

Các quốc gia phải nhận thức được nguyên tắc về các cô gái hàng năm, từ 2 và 3 cho trẻ em, thanh niên và người lớn bắt đầu khuyết tật. Họ phải bắt đầu rằng việc giáo dục cho người khuyết tật là một phần không thể thiếu trong hệ thống giáo dục.

Nội luật 7: Tuyển dụng

Các quốc gia phải nhận thức được người khuyết tật phải nhận thức thị nhân quyền, đặc biệt là trong lĩnh vực tuyển dụng. Tại các thành phố và nông thôn, họ phải có những cô gái ngang bằng trong việc nhận tuyển dụng có lợi cho họ trong thị trường lao động.

Nội luật 8: Duy trì thu nhập và an sinh xã hội

Các quốc gia phải có trách nhiệm trong việc cung cấp an sinh xã hội và duy trì thu nhập cho người khuyết tật.

Nội luật 9: Cuộc sống gia đình và bắt đầu toàn cầu

Các quốc gia phải thúc đẩy người khuyết tật tham gia hoàn toàn vào cuộc sống gia đình. Họ cũng phải thúc đẩy quyền của mình về bắt đầu toàn cuộc sống cá nhân và bắt đầu làm pháp luật không phân biệt nói với người khuyết tật về mọi quan hệ giới tính, hôn nhân và cách làm cha mẹ.

Nội luật 10: Văn hóa

Các quốc gia phải đảm bảo rằng người khuyết tật nhận được nhập vào và có thể tham gia các hoạt động văn hóa một cách bình đẳng.

Nội luật 11: Giải trí

Các quốc gia phải có biện pháp đảm bảo cho người khuyết tật có cơ hội ngang bằng trong các dịch vụ giải trí và thể thao.

Nội luật 12: Tôn giáo

Các quốc gia sẽ khuyến khích các biện pháp bắt đầu tham gia ngang bằng cho người khuyết tật trong đời sống tôn giáo trong cộng đồng của họ.

Phạm vi hoạt động

Nội luật 13: Thông tin và nghiên cứu

Các quốc gia công nhận trách nhiệm cao nhất nói với việc thu thập và phổ biến thông tin về các điều kiện sống cho người khuyết tật và xuất hiện việc nghiên cứu bao hàm trên mọi lĩnh vực, bao gồm những công nghệ ảnh hưởng đến cuộc sống của người khuyết tật.

Bản tuyên bố các nguyên tắc nghề nghiệp và kỹ năng nghề nghiệp, vai trò ngành Vật lý trị liệu

Điều luật 14: Thiết lập chính sách và kế hoạch.

Các quốc gia phải bảo đảm các phòng dịch và khuyết tật cũng như bao hàm trong tất cả các chính sách phù hợp và trong các kế hoạch quốc gia.

Điều luật 15: Pháp luật

Các quốc gia có trách nhiệm tạo ra nên các pháp luật nhằm đạt được các mục tiêu cho người khuyết tật có thể hội nhập tham gia một cách công bằng.

Điều luật 16: Các chính sách kinh tế

Các quốc gia có trách nhiệm về tất cả chính sách với các chương trình quốc gia và các biện pháp tạo đồng các cơ hội ngang bằng cho người khuyết tật.

Điều luật 17: Làm việc nông trại

Các quốc gia có trách nhiệm thiết lập và cung cấp các hội nông quốc gia các cấp, hoặc những cái nhân tổng nông nghiệp vui cho các vấn đề trong tâm về người khuyết tật.

Điều luật 18: Các tổ chức người khuyết tật.

Các quốc gia phải nhận thức được các quyền của những tổ chức của người khuyết tật tại địa điểm cho tiếng nói của người khuyết tật ở cấp quốc gia, cấp khu vực và cấp nhà phòng.

Điều luật 19: Hoàn thiện nhân sự

Các quốc gia có trách nhiệm luôn theo sát và nâng giải thoát nông của các chương trình quốc gia và các dịch vụ liên quan đến sự công bằng trong các cơ hội cho người khuyết tật.

Điều luật 20: Theo dõi và nâng giải cấp quốc gia về các chương trình dành cho người khuyết tật trong việc thực thi các quy định.

Các quốc gia có trách nhiệm theo dõi và lồng ghép việc tiến hành các chương trình quốc gia và các dịch vụ liên quan đến sự công bằng các cơ hội cho người khuyết tật.

Điều luật 21: Nông trại kỹ thuật và kinh tế

Các quốc gia, các các nước công nghiệp lẫn các nước đang phát triển, phải có trách nhiệm phối hợp và các biện pháp trong việc phát triển nhiều kiến thức của người bị khuyết tật tại các nước đang phát triển.

Điều luật 22: Hợp tác quốc tế

Các quốc gia phải chủ động tham gia vào sự hợp tác quốc tế về các chính sách cho việc bình đẳng trong các cơ hội cho người khuyết tật.

Adopted by the United Nations General Assembly at its 48th Session December 1993 (Resolution 48/96) Endorsed by the 13th WCPT General Meeting 1995

Phụ lục cho các điều luật

Điều luật 2: Chăm sóc y tế

1. Các quốc gia phải có những hoạt động cung cấp các chương trình nông nghiệp phối hợp bởi các nhà nghiên cứu chuyên khoa trong việc phát hiện sớm, khám và điều trị cho các tổn thương. Điều này có thể giúp phòng ngừa và giảm hoặc loại trừ các tác động gây khuyết tật.

B n tuyên b các nguyên t c ngh nghi p và kh ng nh v trí, vai trò ngành V t lý tr li u

Những chương trình nhỏ thể hiện bao gồm năm cho việc các cá nhân khuyết tật và gia đình họ coi thể hoàn toàn hòa nhập vào xã hội và cho các tổ chức người khuyết tật ở mức độ liên kết hoặc vai trò gia

2. Các nhân viên xã hội nên phòng ngừa hoặc hạn chế sự tham gia vào các lĩnh vực nhỏ phát hiện tổn thương sớm, cung cấp các hỗ trợ ưu tiên và chuyển bệnh nhân nên những dịch vụ phù hợp.
3. Các quốc gia phải đảm bảo rằng người bị khuyết tật, đặc biệt là trẻ em sinh ra trong hoàn cảnh nghèo khổ chăm sóc sức khỏe ngay bằng trong hệ thống y tế với tất cả thành viên khác trong xã hội.
4. Các quốc gia phải đảm bảo rằng tất cả các nhân viên y tế ở mọi nơi và những nhân viên khác nếu được huấn luyện và trang bị đầy đủ khi chăm sóc y tế cho người khuyết tật và họ phải tiếp cận nên các phòng pháp và kỹ thuật nếu trở thích hợp.
5. Các quốc gia phải đảm bảo rằng tất cả các nhân viên y tế ở mọi nơi và những nhân viên khác nếu được huấn luyện đầy đủ nên không nên ra những lời khuyên không chính xác cho cha mẹ trẻ.
6. Các quốc gia phải đảm bảo rằng người khuyết tật cũng phải có những cách nếu trở thông thường và thuốc men mà họ có thể cần để bảo toàn hoặc phát triển các cấp độ hoạt động chức năng.

Nội luật 3: Phục hồi chức năng*

Các quốc gia phải đảm bảo việc cung cấp các dịch vụ phục hồi chức năng cho người khuyết tật nhằm giúp họ có khả năng đạt được và duy trì một mức độ lập và hoạt động chức năng tối nhất.

1. Các quốc gia phải phát triển các chương trình phục hồi chức năng quốc gia cho toàn bộ các nhóm khuyết tật. Những chương trình nhỏ thể phải tùy thuộc vào nhu cầu của mỗi cá nhân khuyết tật và dựa trên những nguyên tắc về việc hòa nhập hoàn toàn và bình đẳng.
 2. Những chương trình nhỏ thể phải bao gồm một phạm vi hoạt động rộng lớn chẳng hạn như tập huấn nên năng cao hoặc bổ sung vào những chức năng còn thiếu, tổ chức cho người khuyết tật và gia đình họ, phát triển sở thích lập và những dịch vụ sức khỏe không thông xuyên nhỏ khám và hướng dẫn người khuyết tật.
 3. Tất cả những người khuyết tật bao gồm cả những người bị khuyết tật nặng hoặc đã khuyết tật cần phục hồi chức năng nếu phải có nhiều kiến tiếp cận dịch vụ này.
 4. Người khuyết tật và gia đình của họ phải được hòa nhập vào các mô hình và tổ chức các dịch vụ PHCN có liên quan nên chính hội.
 5. Tất cả các dịch vụ phục hồi chức năng phải luôn hiện hữu trong cộng đồng nên phòng nói có người khuyết tật sinh sống. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, nên đạt nên một mục tiêu huấn luyện nào đó một số hoạt động PHCN ngắn hạn nên đặc biệt nên tổ chức ở những nơi phù hợp.
 6. Người khuyết tật và gia đình họ phải được khuyến khích tích cực tham gia vào các hoạt động PHCN, có thể với tổ chức và những huấn luyện viên, giảng viên hoặc tổ chức viên.
 7. Các cấp chính quyền nên tham vào những yếu tố chuyển đổi của các tổ chức người khuyết tật khi tính toán hoặc lồng ghép các chương trình PHCN.
- Phục hồi chức năng là một khái niệm có bản trong lĩnh vực người khuyết tật và nên hiểu

B n tuyên b các nguyên t c ngh nghi p và kh ng nh v trí, vai trò ngành V t lý tr li u

nhõ sau:

Cũm tõ“Phũc hõ chõc nãng” lã mõi quãit rĩnh nhãm ñĩn viũc giũp ngõõĩ khuyũt tãĩ cõit hẽ ãnãt ñõõc vãidũy trĩ nhõõng chõc nãng cõn lãĩ õĩ mõi cõ tũ nhũt vẽit hẽ chãt, tĩnh thãĩn, tĩnh cãĩm, trĩ tũẽ tãĩm lĩy vãĩ xãõ hõĩ, tũõ ñõõĩ mãng ñĩn chõ hõĩ nhõõng cõĩng cũĩ hõũc cõ hõĩ thãĩ ñõĩ cũũc sõĩng cũũc mĩnh thõũ hõõĩng ñõũc lãp hõn. Phũc hõĩ chõc nãng cõit hẽ ã bũõ gõĩm viũc ñõ lõõĩng hõũc phũc hõĩ cãc chõc nãng cõn lãĩ cũũc bẽnh nhãĩn, hõũc cũũng cõit hẽ ã bũõ ñãp lãĩ nhõõng mãĩ mãĩ, khiẽm khuyũt hãĩ giõĩ hãĩn chõc nãng.